

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2402/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 02 tháng 08 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1766/STNMT-CCBVMT ngày 05/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 948/BQLDA-DA1 ngày 12/7/2022 của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 611/TTr-STNMT ngày 29/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Ghềnh Ráng;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU VỰC 2,
PHƯỜNG GHÈNH RÁNG, THÀNH PHỐ QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.

- Địa điểm thực hiện: Phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh.

- Địa chỉ liên hệ: 376 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Đầu tư các tuyến đường giao thông ĐS1B và ĐS1C với tổng chiều dài 1,473 km:

+ Đường ĐS1B: từ Km0+00 (nút giao đường ĐS1A với đường ĐS2) đến Km0+876,19 với chiều dài 876 m.

+ Đường ĐS1C: từ Km0+00 (điểm cuối tuyến ĐS1B) đến Km0+596,73 (nút giao đường ĐS1 với Đại lộ Khoa học) với chiều dài 597 m.

- Thoát nước mưa:

+ Xây dựng công ngang thoát nước mưa (sử dụng 11 công tròn bê tông ly tâm D1000 mm ÷ D1500 mm), 01 công hộp 3 cửa phía hạ lưu cầu Dốc Mít tại Km0+270,34 và 01 công hộp 1 cửa phía hạ lưu cầu Đá Dựng trên tuyến ĐS1B tại Km0+509,93.

+ Xây dựng tuyến mương dọc phía Đông đường ĐS1B và phía Bắc Đại lộ Khoa học (từ hạ lưu cầu Dốc Mít tại Km0+270,34 đến công bản trên đường Đại lộ Khoa học (tọa độ: 1.517.091; 603.812)) với chiều dài khoảng 999 m.

- Hệ thống cấp nước, cấp điện.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích 2,96 ha.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp điện và chiếu sáng, cây xanh dọc tuyến đường, công trình an toàn giao thông.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: bãi chứa nguyên vật liệu với diện

tích khoảng 200 m², bãi lưu chứa đất tạm với diện tích khoảng 10.000 m², lán trại tạm.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: nhà vệ sinh di động; thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn 2,96 ha và yêu cầu giải tỏa 5 hộ dân.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 2,96 ha đất lúa 01 vụ và 0,44 ha đất ở, ảnh hưởng đến sinh kế của 60 hộ dân (trong đó có 05 hộ dân bị giải tỏa hoàn toàn).

- Quá trình thi công xây dựng: phát sinh nước thải sinh hoạt, ô nhiễm nước mưa chảy tràn (cuồn theo bùn, đất), chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị thi công; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông,...

- Việc hình thành tuyến đường gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ khu vực xung quanh Dự án, nguy cơ ngập úng cục bộ tại khu vực dân cư phía Nam đường ĐS1C với Quốc lộ 1D.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,08 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khoảng 100 m³ thực bì và 200 m³ xà bần.

+ Quá trình thi công xây dựng phát sinh khoảng 41.865,87 m³ đất đào và 3.885,38 m³ chất nạo vét.

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 20,5 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

3.2.2. Chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát (dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin, hộp mực in thải,...) với khối lượng khoảng 44 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Về xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực công trường để thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công; thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông dòng chảy tại các rãnh thoát nước, thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi.

4.1.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư và trên tuyến đường Quốc lộ 1D với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại mỗi công trường thi công để thu gom và xử lý theo quy định.

- Thu gom thực bì phát sinh trong quá trình phát quang mặt bằng, lưu chứa tại các khu vực bãi chứa tạm và xử lý theo quy định.

- Tận dụng toàn bộ lượng đất đào và chất hữu cơ để san lấp mặt bằng khu vực thi công và trồng cây xanh dọc tuyến đường.

- Xả bùn phát sinh từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu được tận dụng đắp bờ mương tạm và mái taluy khu vực trồng cây xanh, không vận chuyển đổ thải ra ngoài Dự án.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Tại mỗi công trường thi công, bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm, hạn chế các xe tải trọng lớn di chuyển vào ban đêm.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với 2,96 ha diện tích đất lúa. Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Đối với khu vực chiếm dụng đất lúa tạm thời (khu vực bãi tập kết và khu vực lán trại): sau khi kết thúc Dự án, tiến hành dọn dẹp mặt bằng, san gạt tạo bề mặt bằng phẳng trước khi bàn giao lại cho đơn vị quản lý.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng tuyến mương thoát nước mưa dọc phía Đông đường ĐS1B và phía Bắc Đại lộ Khoa Học (từ cống hộp phía hạ lưu cầu Dốc Mít đến cống bản (3 x 6) m trên đường Đại lộ Khoa học) với chiều dài khoảng 999 m x chiều rộng 15 m x chiều sâu 2 m.

- Đào mương tạm dọc phía Nam đường ĐS1C (từ Km0+4,5 đến Km0+290) với chiều dài khoảng 285 m x chiều rộng 2 m x chiều sâu 2 m để tăng hiệu quả thoát nước mưa, tránh ngập úng cục bộ tại khu vực dân cư phía Nam đường ĐS1C với Quốc lộ 1D.

- Đảm bảo an toàn giao thông: lắp đặt các biển báo hiệu an toàn giao thông theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Giám sát bụi lơ lửng với tần suất 03 tháng/lần, so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại hạ lưu cầu Dốc Mít (tọa độ: 1.517.689; 603.208).

+ 01 điểm tại nút giao đường ĐS1C với đường Đại lộ Khoa học (tọa độ: 1.517.026; 603.605).

+ 01 điểm tại nút giao đường ĐS1C với đường Đại lộ Khoa học (tọa độ: 1.517.092; 603.811).

5.2. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại) tại công trường.

- Thông số giám sát: thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.3. Thường xuyên giám sát sự cố ngập lụt, sa bồi xuống hệ thống cống, mương thoát nước.